

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

**BÀI: TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ HOẠT
ĐỘNG THƯƠNG MẠI GIỮA VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG ÚC
TRONG 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2025, ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ DỰ
BÁO**

THUỘC NHIỆM VỤ
**“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai
Hiệp định CPTPP năm 2025”**

Hà Nội, 2025

TÓM TẮT

Hiện Úc là đối tác thương mại lớn thứ 10 của Việt Nam và Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ 7 của Úc. Úc đã mở cửa cho các mặt hàng của Việt Nam, như vải, xoài, thanh long, nhãn, tôm đông lạnh xuất khẩu vào Úc. Việt Nam đang thúc đẩy Úc nhập khẩu một số mặt hàng hoa quả. Cùng với đó, Úc cũng thúc đẩy Việt Nam mở cửa cho các mặt hàng, như thịt hươu, thịt kangaroo, mật ong, quả đào và xuân đào của Úc vào Việt Nam.

Về đầu tư, tính đến tháng 3-2025, có 593 dự án của các nhà đầu tư Úc vào Việt Nam, với tổng số vốn đăng ký xấp xỉ 2 tỷ USD, đứng thứ 20/143 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Ở chiều ngược lại, các doanh nghiệp của Việt Nam đã đầu tư sang Úc 500 triệu USD, tiêu biểu là các dự án của Tập đoàn TH với 135 triệu USD, Tập đoàn An Viên đầu tư 18 triệu USD vào vùng Bắc Úc; Tập đoàn Vinfast với 20 triệu USD ở thành phố Melbourne; Công ty cổ phần Hàng không VietJet ký thỏa thuận đầu tư hạ tầng sân bay ở thành phố Melbourne và đang xúc tiến mở đường bay trực tiếp với các thành phố lớn của Úc, như Sydney, Melbourne, Perth...

Về kinh tế, cho tới nay, Việt Nam là một nền kinh tế đứng thứ 4 ở Đông Nam Á, thuận lợi cho thương mại và đầu tư của Úc vào Việt Nam và trên thực tế, tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm gần đây ngày càng trở nên mạnh mẽ. Việt Nam nổi lên như là một trong những động lực kinh tế mới của châu Á, vươn lên trở thành một quốc gia có mức thu nhập trung bình và đang trở thành một trung tâm sản xuất lớn trong khu vực do có nguồn lao động với giá cả cạnh tranh. Chính nhờ những yếu tố này, quan hệ kinh tế Việt Nam - Úc có những bước tiến mạnh mẽ trong giai đoạn gần đây. Kim ngạch thương mại song phương đạt mức tăng trưởng tốt: năm 2024 đạt 14,0 tỷ USD (tăng 2,3% so với năm 2023), trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 6,4 tỷ USD (tăng 23,8% so với năm 2023) và kim ngạch nhập khẩu đạt 7,5 tỷ USD (giảm 11,0% so với năm 2023). Nhập siêu của Việt Nam từ Úc đạt 1,1 tỷ USD (giảm 66,2% so với năm 2023).

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ, THƯƠNG MẠI NỘI BẬT CỦA THỊ TRƯỜNG ÚC

1. Tình hình kinh tế của thị trường Úc

Úc là một trong 20 nền kinh tế phát triển hàng đầu thế giới, song Úc đang đối mặt với nhiều thách thức, từ áp lực chi phí sinh hoạt đến bất ổn thương mại toàn cầu. Chính phủ của Thủ tướng Anthony Albanese sẽ cần phải giải quyết vấn đề tăng trưởng năng suất, lãi suất và áp lực tài chính trong khi thÚc đẩy tăng trưởng kinh tế và tiến tới nền kinh tế phát thải ròng bằng 0. Các cải cách sẽ cần tập trung vào thÚc đẩy đầu tư kinh doanh, củng cố chuỗi cung ứng, mở rộng các lĩnh vực năng lượng sạch, khoáng sản quan trọng và năng lượng tái tạo.

Một môi trường kinh tế, chính trị và xã hội ổn định nhất trong khu vực. Nền kinh tế Úc mang tính cạnh tranh cao và nổi bật trên thế giới trong những năm gần đây. Với tốc độ phát triển kinh tế ổn định khoảng 3.3%/năm kể từ năm 1990, lạm phát thấp và ổn định (2.5%/năm trong vòng 15 năm gần đây), tỷ lệ thất nghiệp thấp (dưới 5% hiện nay so với mức cao nhất 11% của năm 1992), Úc đang được coi là nền kinh tế mở nhất trên thế giới, phát triển năng động bậc nhất trong số các nước công nghiệp phát triển. Úc có một khu vực kinh tế tư nhân hoạt động hiệu quả, một thị trường lao động năng động và một khu vực thương mại rất có tính cạnh tranh.

Kinh tế Úc có sự phát triển cả về công nghiệp lẫn nông nghiệp. Ngành dịch vụ chiếm vai trò chủ đạo trong nền kinh tế Úc với sự tăng trưởng mạnh mẽ nhất ở các lĩnh vực kinh doanh và tài chính, chăm sóc sức khỏe và trợ giúp xã hội, giáo dục,... Về công nghiệp, Úc chủ yếu tập trung phát triển về thiết bị công nghiệp, khai mỏ, giao thông vận tải, thép, chế biến thực phẩm và hóa chất.

Các ngành kinh tế mũi nhọn:

Nông nghiệp: Nông nghiệp ở Úc phát triển theo hướng hiện đại và thậm chí được xem như một ngành công nghiệp. Thu hút 4.200.00 lao động và đóng góp 3% vào GDP. Tuy phần đóng góp rất nhỏ bé so với khu vực dịch vụ, nhưng

đây lại là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Úc. Sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi của Úc rất phong phú về chủng loại. Chỉ 20% sản lượng được tiêu thụ trong nước, còn lại đáp ứng cho nhu cầu xuất khẩu. Úc là quốc gia có tiếng nói mạnh mẽ ủng hộ tự do thương mại trong lĩnh vực nông nghiệp. Trợ cấp nông nghiệp của nước này gần như không đáng kể, mặc dù vẫn có bảo hộ trong một số “trường hợp ngoại lệ” như khi xảy ra hạn hán. Nền nông nghiệp Úc phải đối mặt với một số thách thức như: vấn đề bảo vệ nguồn nước để chống hạn hán, chống nhiễm mặn đất và cuộc tranh cãi xung quanh việc phát triển thực phẩm biến đổi gen. Ở thị trường trong nước, các doanh nghiệp kinh doanh nông phẩm phải cạnh tranh gay gắt để giành cơ hội xuất khẩu.

Úc là một trong số rất ít quốc gia trên thế giới xuất khẩu thuốc phiện hợp pháp để làm dược phẩm. Rượu, thịt bò, lông cừu là những sản phẩm nổi tiếng của thị trường này. Chế biến thực phẩm: Ngành chế biến thực phẩm của Úc rất đa dạng về chủng loại sản phẩm và là một thành phần thiết yếu của nền kinh tế quốc gia này.

Trong bối cảnh kinh tế thiếu ổn định, Úc có vị thế tương đối tốt cho cơ chế đầu tư toàn cầu mới hiện nay. Có rất nhiều cơ hội tốt để đầu tư dài hạn trong bối cảnh môi trường vĩ mô ngắn hạn còn nhiều thách thức".

Niềm tin kinh doanh ở Úc gần đây cho thấy tín hiệu tích cực, một phần do điều kiện tài chính nới lỏng hơn và việc các ngân hàng bắt đầu giảm lãi suất cho vay mua nhà. Các chỉ số này cho thấy nền kinh tế Úc đang phục hồi, mặc dù tốc độ tăng trưởng năng suất vẫn còn là một thách thức.

+ Tốc độ tăng trưởng GDP:

Nền kinh tế Úc năm 2024 ghi nhận mức tăng trưởng GDP chậm lại còn 1,0% sau giai đoạn phục hồi mạnh mẽ trước đó. Mặc dù đối mặt với thách thức về lạm phát, chính phủ đã có những nỗ lực đáng kể để ổn định kinh tế, thể hiện qua việc lạm phát có dấu hiệu giảm.

Ngân hàng Macquarie là ngân hàng đầu tiên tại Úc cắt giảm lãi suất tiền vay mua nhà. Các động thái mới của một số ngân hàng tại Úc được cho là sẽ thúc đẩy sự cạnh tranh với các ngân hàng khác và có thể khiến cho các ngân hàng khác cũng có những động thái tương tự. Bên cạnh đó, các động thái của ngân hàng thương mại cũng mở ra hy vọng về khả năng Ngân hàng Dự trữ Úc có thể sẽ ra quyết định cắt lãi suất.

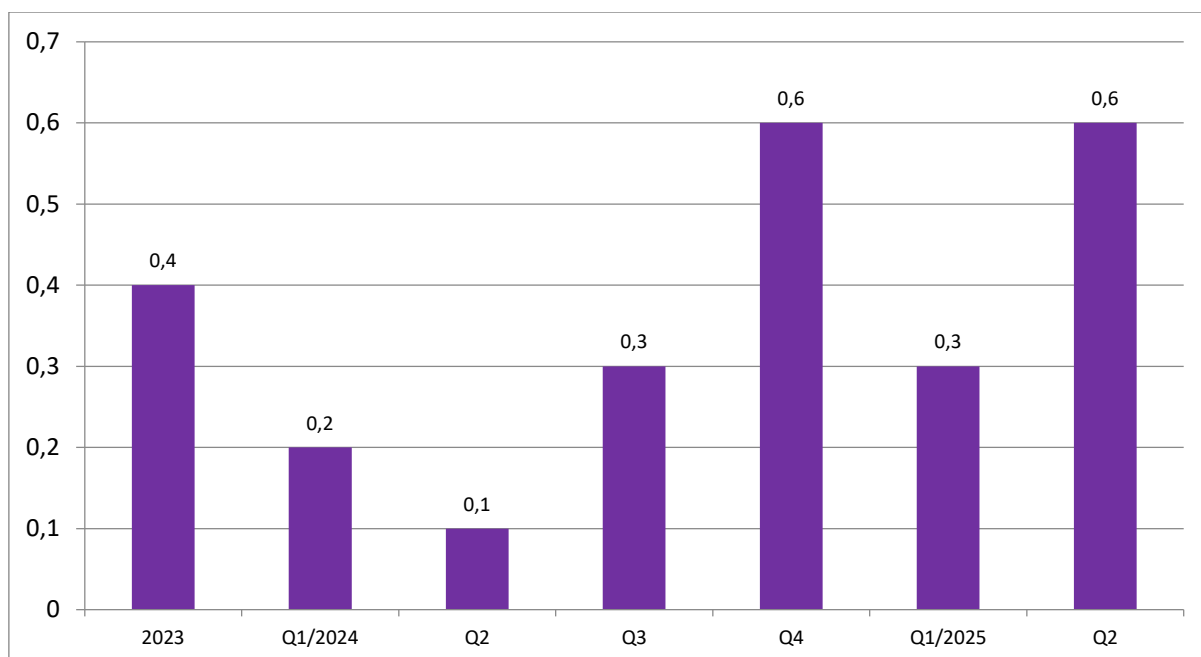
Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Úc vào năm 2024 là 1,752.19 tỷ USD theo số liệu mới từ Ngân hàng thế giới. Theo đó chỉ số GDP Úc tăng 24.14 tỷ USD so với con số 1,728.06 tỷ USD trong năm 2023. Ước tính GDP Úc năm 2025 là 1,776.67 tỷ USD.

Năm 2025, kinh tế Úc tăng trưởng 0,6% trong quý 2 năm 2025, tăng tốc từ mức 0,3% đã được điều chỉnh tăng trong quý 1 và vượt qua mức dự báo của thị trường là 0,5%. Đây là quý tăng trưởng thứ 15 liên tiếp, được thúc đẩy bởi nhu cầu trong nước (0,5 điểm %). Tiêu dùng hộ gia đình tăng (0,9% so với 0,4% trong quý 1) do chi tiêu cao hơn cho các mặt hàng thiết yếu và tùy ý trong kỳ nghỉ lễ Phục sinh và ANZAC. Chi tiêu của chính phủ cũng tăng (1,0% so với 0,3%) thúc lợi xã hội cao hơn và chi tiêu quốc phòng. Thương mại ròng tăng thêm 0,1 điểm %, với xuất khẩu (1,7% so với -0,7%) vượt xa nhập khẩu (1,4% so với 0,1%). Ngược lại, đầu tư công giảm mạnh trong quý 3 (-3,9% so với -2,4%), mức giảm mạnh nhất kể từ quý 3 năm 2017, do chi tiêu của nhà nước cho các dự án giao thông và y tế giảm và đầu tư quốc phòng thấp hơn. Hàng tồn kho giảm 0,1 điểm phần trăm, mức giảm đầu tiên trong ba quý. Trên cơ sở hàng năm, GDP tăng trưởng 1,8%, cao hơn dự báo là 1,6% và là tốc độ nhanh nhất kể từ quý 3 năm 2023. Tỷ lệ tiết kiệm hộ gia đình giảm xuống 4,2% từ 5,2% trong quý 1 năm 2025.

Dự báo tốc độ tăng trưởng GDP của Úc sẽ đạt 0,6% vào cuối quý 3/2025, và kỳ vọng về dài hạn, tốc độ tăng trưởng GDP của Úc dự kiến sẽ dao động quanh mức 0,5% vào năm 2026 và 0,4% vào năm 2027.

Biểu đồ 1: Tăng trưởng GDP của Úc giai đoạn 2023 - 2025

(Đơn vị tính: %)



Nguồn: Trading Economics

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Úc

Chỉ số CPI bình quân năm 2024 của Úc là 3.2% giảm 44,0% so với năm 2023 là 4,6%.

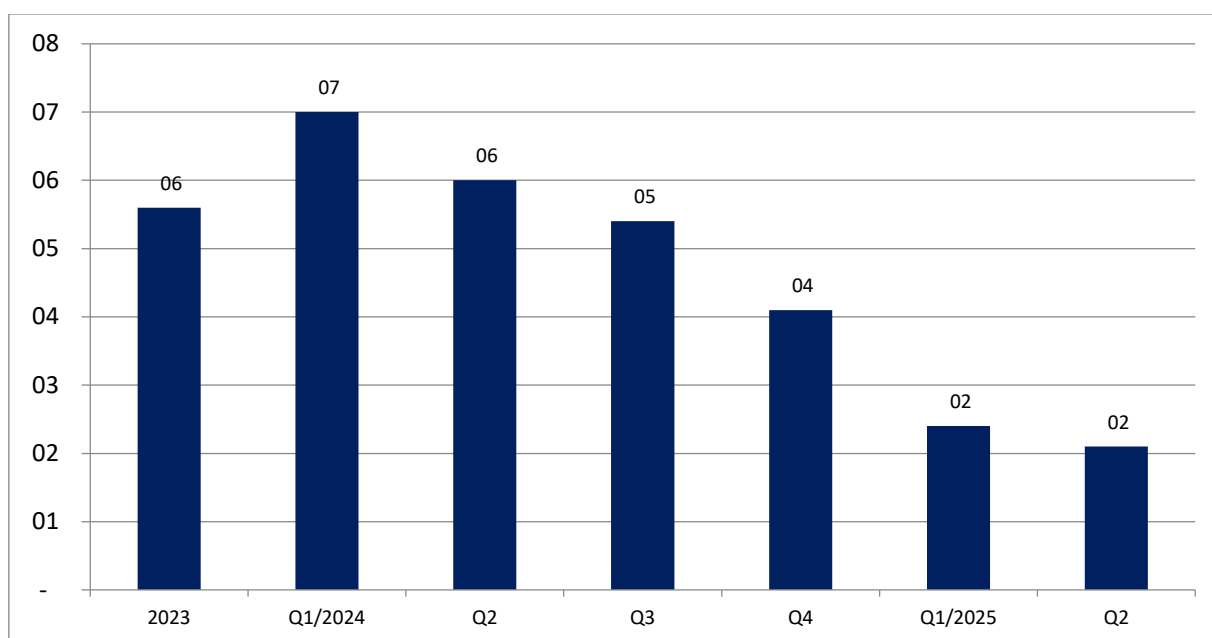
Tỷ lệ lạm phát hàng năm của Úc đã giảm xuống 2,1% trong quý 2 năm 2025 từ mức 2,4% trong hai kỳ trước, là mức thấp nhất kể từ quý 1 năm 2021 và thấp hơn dự báo là 2,2%. Lạm phát dịch vụ đạt mức thấp nhất trong ba năm (3,3% so với 3,7% trong quý 1) do chi phí bảo hiểm và tiền thuê nhà tăng chậm hơn. Lạm phát hàng hóa cũng giảm (1,1% so với 1,3%), do giá nhiên liệu ô tô giảm 10% và chi phí nhà ở mới giảm đáng kể. Giá cả cũng giảm đối với thực phẩm (3,0% so với 3,2%), rượu và thuốc lá (5,7% so với 6,5%), quần áo (1,2% so với 1,7%), bảo hiểm và dịch vụ tài chính (3,1% so với 3,8%) và giáo dục (5,5% so với 5,7%). Đồng thời, chi phí vận chuyển tiếp tục giảm (-2,6% so với -1,0%). Ngược lại, lạm phát vẫn giữ nguyên đối với nhà ở (ở mức 2,0%), y tế (ở mức 4,1%) và giải trí (ở mức 1,7%), nhưng tăng tốc đối với dịch vụ gia đình (1,0% so với 0,7%). Chỉ số giá tiêu dùng trung bình được RBA điều chỉnh tăng

2,7% so với cùng kỳ năm trước, phù hợp với dự báo nhưng chậm lại so với mức 2,9% của Quý 1. Con số này cũng cho thấy mức thấp nhất kể từ Quý 4 năm 2021.

Tỷ lệ lạm phát tại Úc đã giảm xuống còn 2,1% trong quý II năm 2025 từ mức 2,4% trong quý I năm 2025. Tỷ lệ lạm phát tại Úc dự kiến sẽ đạt 3,0% vào cuối quý 3/2025, và dự báo về dài hạn, tỷ lệ lạm phát tại Úc dự kiến sẽ dao động ở mức 2,8% vào năm 2026 và 2,3% vào năm 2027.

Biểu đồ 2: Chỉ số giá tiêu dùng CPI của Úc giai đoạn 2023 - 2025

(Đơn vị tính: điểm)



Nguồn: Trading Economics

+ Tỷ lệ thất nghiệp

Tỷ lệ thất nghiệp của Úc năm 2024 bình quân là 4.0% Theo đó chỉ số Tỷ lệ thất nghiệp Úc tăng 7.8% so với năm 2023.

Năm 2025 tỷ lệ thất nghiệp 7 tháng đầu năm, 2025 bình quân là 4,1% tăng 3,6% so cùng kỳ năm 2024.

Tỷ lệ thất nghiệp theo mùa của Úc ở mức 4,2% vào tháng 7 năm 2025, giảm so với tháng trước 2,3% mức này và phù hợp với kỳ vọng của thị trường.

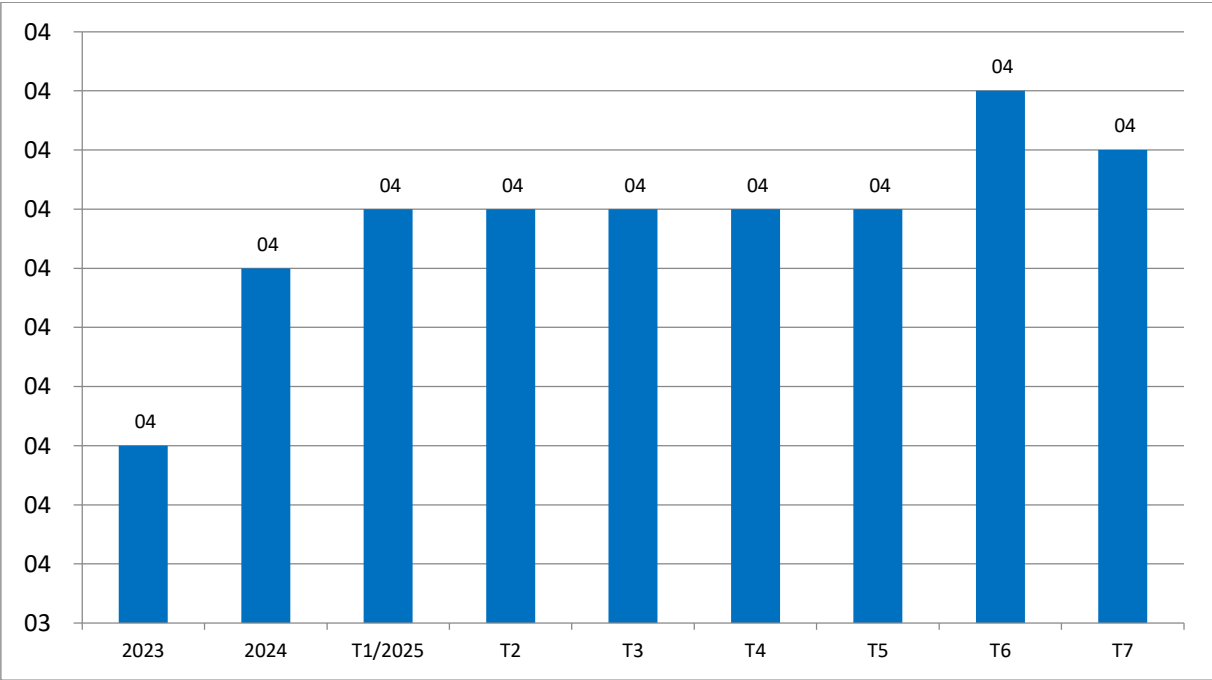
Số người thất nghiệp giảm 900 người, nâng tổng số lên 647.400 người. Trong số đó, số người tìm kiếm việc làm bán thời gian giảm 3.600 người xuống còn 204.400 người, trong khi số người tìm kiếm việc làm toàn thời gian tăng 3.000 người lên 443.000 người.

Trong khi đó, việc làm bất ngờ giảm 5.400 xuống còn 14,63 triệu, thấp hơn dự báo tăng 22.000, sau khi đã điều chỉnh tăng 26.500 vào tháng 7 và đánh dấu mức giảm đầu tiên trong ba tháng. Việc làm toàn thời gian giảm 40.900 xuống còn 10,08 triệu, trong khi việc làm bán thời gian tăng 35.500 lên 4,55 triệu. Tỷ lệ tham gia lao động giảm xuống còn 66,8%, thấp hơn so với kỳ vọng là 67%, đánh dấu mức thấp nhất kể từ tháng 3. Tỷ lệ thiếu việc làm giảm từ 5,8% xuống 5,7%. Ngoài ra, tổng số giờ làm việc hàng tháng của tất cả các ngành nghề đã giảm 8 triệu, xuống còn 1.977 triệu người.

Dự báo tỷ lệ thất nghiệp tại Úc vẫn giữ nguyên ở mức 4,2% trong tháng 8. và dự báo về dài hạn, tỷ lệ thất nghiệp tại Úc sẽ dao động quanh mức 4,4% vào năm 2026.

Biểu 3: Tỷ lệ thất nghiệp của Úc giai đoạn 2023 - 2025

(Đơn vị tính: %)



+ Niềm tin người tiêu dùng

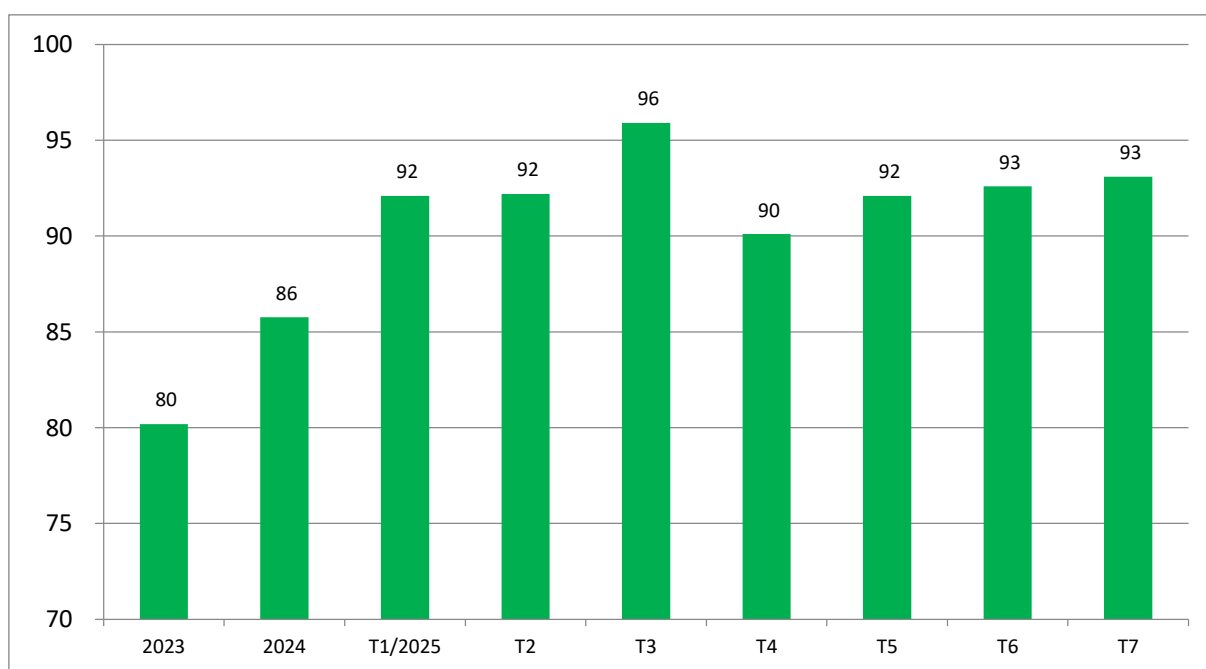
Năm 2024, niềm tin của người tiêu dùng cao nhất là 92,8 điểm vào tháng 12/2024 và trung bình cả năm niềm tin của người tiêu dùng ở Úc đạt là 85,8 điểm tăng 6,9% so với năm 2023.

Năm 2025, niềm tin của người tiêu dùng tại Úc tăng lên 95,9 điểm vào tháng 3 từ mức 92,1 điểm vào tháng 1 năm 2025, và giảm xuống 93,1 vào tháng 7 năm 2025. Niềm tin người tiêu dùng tại Úc đạt trung bình 100,2 điểm từ năm 1974 đến năm 2025, đạt mức cao nhất là 123,9 điểm vào tháng 5 năm 2007 và mức thấp nhất là 64,6 điểm vào tháng 11 năm 1990.

Dự báo niềm tin người tiêu dùng tại tăng lên 98,5 điểm trong tháng 8 và dự báo niềm tin người tiêu dùng tại Úc dự kiến sẽ đạt 99,4 điểm vào cuối quý 3 năm 2025. Về dài hạn, niềm tin người tiêu dùng Úc sẽ dao động quanh mức 105,0 điểm vào năm 2026.

Biểu đồ 4: Chỉ số niềm tin người tiêu dùng của Úc 2023-2025

(Đơn vị tính: điểm)



2. Tình hình thương mại của thị trường Úc

- Về xuất khẩu

Năm 2024 Úc xuất khẩu hàng hoá đạt 345,7 tỷ USD giảm 6,8% so với năm trước đó.

6 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Úc đạt 166,4 tỷ USD, giảm 4,1% so với năm 2023 ở mức 173,4 tỷ USD, nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu cao là;

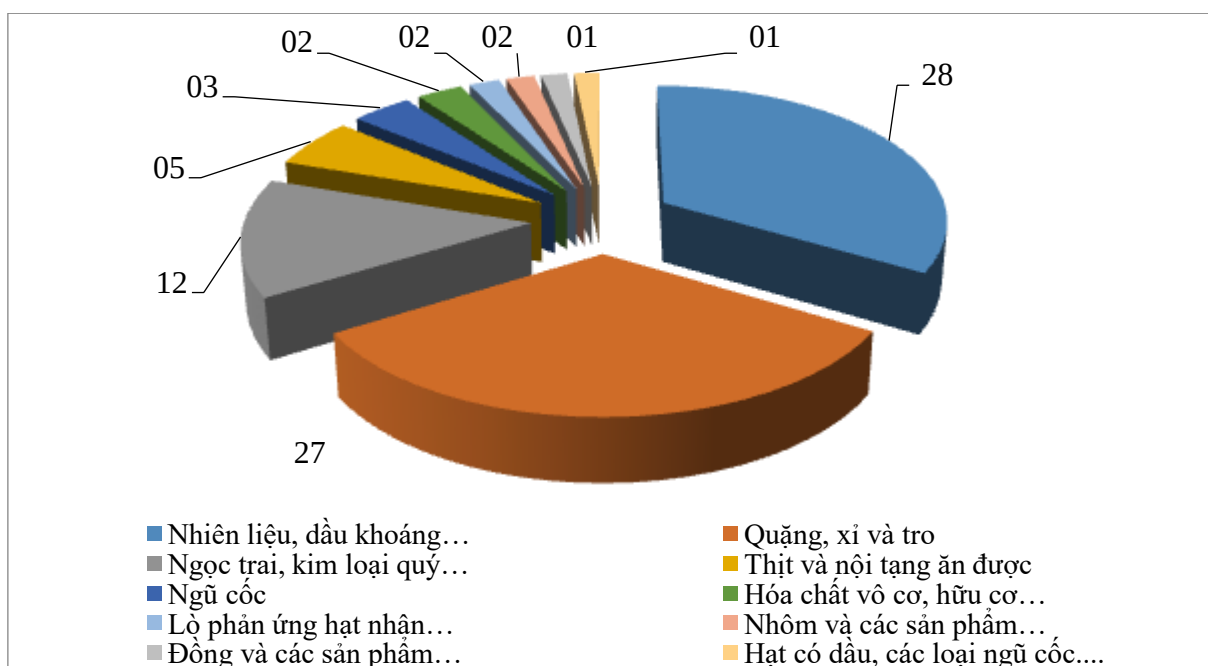
- Nhóm (Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất của chúng; chất bitum; khoáng sản...) đạt 46,6 tỷ USD, giảm 19,1% so với năm 2023;

- Nhóm (Quặng, xỉ và tro...) đạt 45,7 tỷ USD, giảm 10,6% so với năm 2023; tiếp đến là nhóm (Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, kim loại mạ ...) đạt 19,4 tỷ USD, tăng 59,1% so với năm 2023;

Ở chiều ngược lại, nhóm có kim ngạch nhập khẩu thấp nhất là nhóm (Lúa...) chỉ đạt 66 nghìn USD giảm 62,1% và nhóm (Vật liệu tết thực vật; các sản phẩm thực vật không được chỉ định hoặc bao gồm ở nơi khác...) đạt 316 nghìn USD tăng 81,6% so với năm 2023.

Biểu đồ 5: Top 10 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Úc trong 6 tháng đầu năm n2025

(Đơn vị tính: Tỷ trọng %)



Nguồn: Trademap

- Về nhập khẩu

Năm 2024 hàng hoá nhập khẩu vào Úc đạt 284,4 tỷ USD tăng 3,2% so với năm 2023,

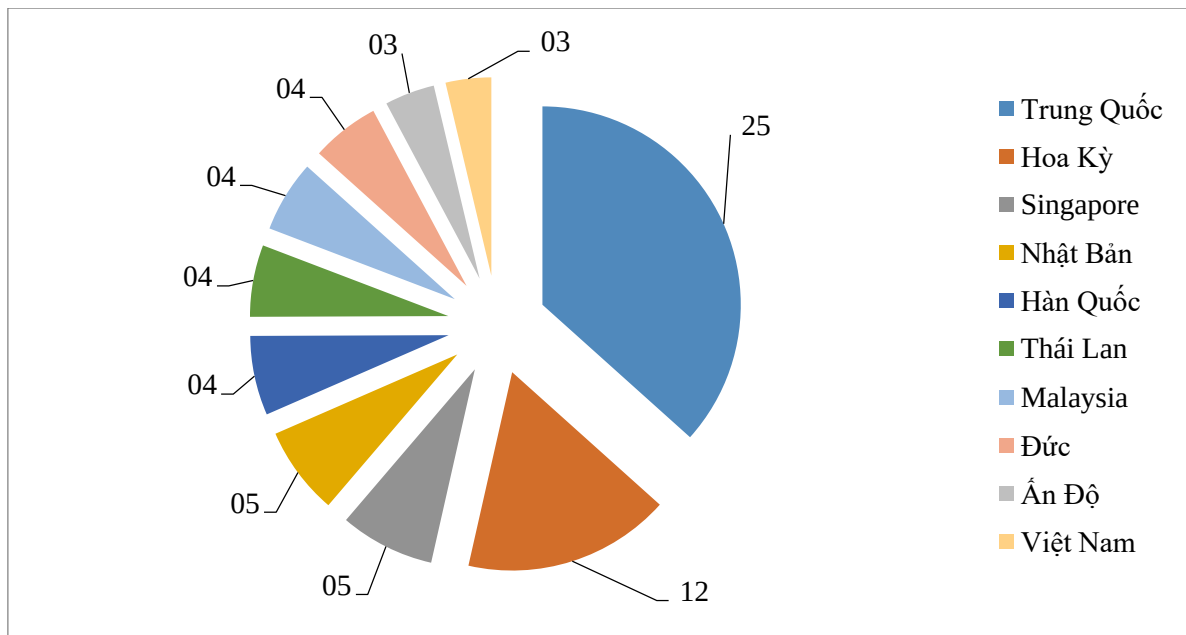
6 tháng đầu năm 2025 hàng hoá nhập khẩu vào Úc đạt 140,2 tỷ USD tăng 0,5% so với 6 tháng đầu năm 2024/ Trong đó nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu cao là:

- Nhóm (Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng...) đạt 19,9 tỷ USD, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm 2023; nhóm (Các loại xe khác ngoài toa xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng...) đạt 19,4 tỷ USD, giảm 9,9% so với cùng kỳ năm 2023; tiếp đến là ; và nhóm (Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất của chúng; chất bitum; khoáng sản . . .) đạt 16,6 tỷ USD, giảm 16,6% so với cùng kỳ năm 2023;

Ở chiều ngược lại nhóm có kim ngạch nhập khẩu thấp nhất là nhóm (Lúa...) chỉ đạt 1,2 triệu USD giảm 14,9% và nhóm (Chì và các sản phẩm làm từ chì...) đạt 3,8 triệu USD tăng 49,9% so với cùng kỳ năm 2023.

Biểu đồ 6: Top 10 nguồn cung lớn nhất của Úc trong 6 tháng đầu năm 2025

(Đơn vị tính: tỷ trọng %)



Nguồn: Trademap

Theo số liệu từ Trademap, trong 6 tháng đầu năm 2025, thị trường nhập khẩu hàng hóa của Úc nhiều nhất là Trung Quốc với kim ngạch đạt 35,6 tỷ USD tăng 3,1%; Hoa Kỳ đạt 16,4 tỷ USD tăng 1,3%; tiếp đến là Singapore đạt 7,5 tỷ USD giảm 6,1% so với cùng kỳ năm 2024.

Cũng trong 6 tháng đầu năm 2025 Úc nhập khẩu từ Việt nam một số mặt hàng chủ yếu như;

- Nhóm (Máy móc và thiết bị điện cùng các bộ phận của chúng; máy ghi âm và máy phát âm thanh, tivi ...) đạt 1,1 tỷ USD tăng 16,4%. So cùng kỳ 2024;
- Nhóm (Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất của chúng; chất bitum; khoáng sản...) đạt 302,0 triệu USD giảm 26,2%.
- Nhóm (Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng ...) đạt 284,6 triệu USD tăng 3,8% so cùng kỳ 2024.

Trong số nhóm hàng nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2023 có nhóm có nhóm (Sản phẩm dược phẩm...) tăng mạnh nhất, tăng 289,7% và giảm mạnh

nhất là nhóm (Tàu, thuyền và các công trình nổi. . .) giảm tới 69,1% so cùng kỳ 2024.

Bảng 1: Một số mặt hàng Úc nhập khẩu nhiều từ Việt Nam và thế giới 6 tháng đầu năm 2025

(ĐVT: Nghìn USD)

Mã HS	Mặt hàng	Úc nhập khẩu từ Việt Nam		Úc nhập khẩu từ thế giới		Thị phần hàng hoá của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2025 (%)
		6 tháng đầu năm 2025	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)	6 tháng đầu năm 2025	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)	
	Tổng cộng:	3.612.259	-3,0	140.273.769	0,5	2,6
'85	Máy móc và thiết bị điện cùng các bộ phận của chúng; máy ghi âm và máy phát âm thanh, tivi ...	1.126.356	-16,4	14.908.251	3,1	7,6
'27	Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất của chúng; chất bitum; khoáng sản . . .	302.031	-26,2	16.600.242	-16,6	1,8
'84	Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng	284.611	3,8	19.915.735	-1,2	1,4
'64	Giày dép, xà cạp và các loại tương	273.001	10,2	930.276	4,4	29,3

Mã HS	Mặt hàng	Úc nhập khẩu từ Việt Nam		Úc nhập khẩu từ thế giới		Thị phần hàng hoá của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2025 (%)
		6 tháng đầu năm 2025	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)	6 tháng đầu năm 2025	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)	
	tự; các bộ phận của những mặt hàng như vậy					
'61	Các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo, đan hoặc móc	188.948	17,8	2.156.696	4,6	8,8
'62	Các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo, không dệt kim hoặc móc	162.750	8,4	1.772.123	1,1	9,2
'03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và các động vật không xương sống dưới nước khác	113.987	6,4	431.460	-0,1	26,4
'73	Các mặt hàng bằng sắt hoặc thép	107.326	42,1	3.185.631	-11,4	3,4
'94	Đồ nội thất; bộ đồ giường, nệm, giá đỡ nệm, đệm và các đồ nội thất nhồi bông tương tự; . . .	102.972	10,8	2.424.491	-0,6	4,2
'95	Đồ chơi, trò chơi và dụng cụ thể thao; các bộ phận và phụ kiện của chúng	76.219	23,0	1.390.530	8,9	5,5

Mã HS	Mặt hàng	Úc nhập khẩu từ Việt Nam		Úc nhập khẩu từ thế giới		Thị phần hàng hoá của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2025 (%)
		6 tháng đầu năm 2025	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)	6 tháng đầu năm 2025	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)	
'08	Trái cây và các loại hạt ăn được; vỏ trái cây họ cam quýt hoặc dưa	65.576	-2,5	404.693	11,8	16,2
'39	Nhựa và các sản phẩm từ nhựa	62.234	4,8	3.428.825	-2,4	1,8
'72	Sắt và thép	53.659	62,6	974.388	8,9	5,5
'31	Phân bón	52.022	80,0	2.014.314	2,0	2,6
'16	Các chế phẩm từ thịt, cá, giáp xác, động vật thân mềm hoặc các động vật không xương sống dưới nước khác, hoặc . . .	49.455	2,6	401.833	-0,1	12,3
'09	Cà phê, trà, maté và gia vị	49.285	13,7	582.327	42,3	8,5
'42	Các mặt hàng bằng da; yên ngựa và dây cương; đồ du lịch, túi xách và các vật dụng tương tự; các mặt hàng . . .	43.230	2,4	710.867	-3,3	6,1
'48	Giấy và bìa cứng; các mặt hàng làm từ bột giấy, giấy hoặc bìa cứng	40.481	-9,9	1.127.023	-4,8	3,6

Mã HS	Mặt hàng	Úc nhập khẩu từ Việt Nam		Úc nhập khẩu từ thế giới		Thị phần hàng hoá của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2025 (%)
		6 tháng đầu năm 2025	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)	6 tháng đầu năm 2025	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)	
'20	Các chế phẩm từ rau, quả, hạt hoặc các bộ phận khác của cây	38.966	18,5	645.276	-7,1	6,0
'90	Quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, độ chính xác, y tế hoặc phẫu thuật . . .	36.211	-6,5	4.940.929	0,2	0,7
'40	Cao su và các sản phẩm từ cao su	30.496	-14,3	1.894.968	0,2	1,6
'87	Các loại xe khác ngoài toa xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng	24.589	-17,4	19.482.460	-9,9	0,1
'19	Các chế phẩm từ ngũ cốc, bột mì, tinh bột hoặc sữa; các sản phẩm làm bánh ngọt	22.671	19,8	821.233	-2,5	2,8
'63	Các mặt hàng dệt may khác; bộ; quần áo đã qua sử dụng và các mặt hàng dệt may đã qua sử dụng; giẻ rách	20.382	24,1	796.589	-2,6	2,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trademap

II. TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG ÚC TRONG THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG NĂM 2025

1. Về xuất khẩu

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Úc năm 2024 đạt 6,4 tỷ USD tăng 23,8% so với năm 2023.

Năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Úc trong tháng 7/2025 đạt 584,1 triệu USD, giảm 12,2% so với tháng 6/2025 và giảm 4,9% so với cùng kỳ tháng 7/2024.

Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Úc đạt 3.6 tỷ USD, giảm 2,9% so với cùng kỳ năm 2024.

Một số mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch cao của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2025 lần lượt là;

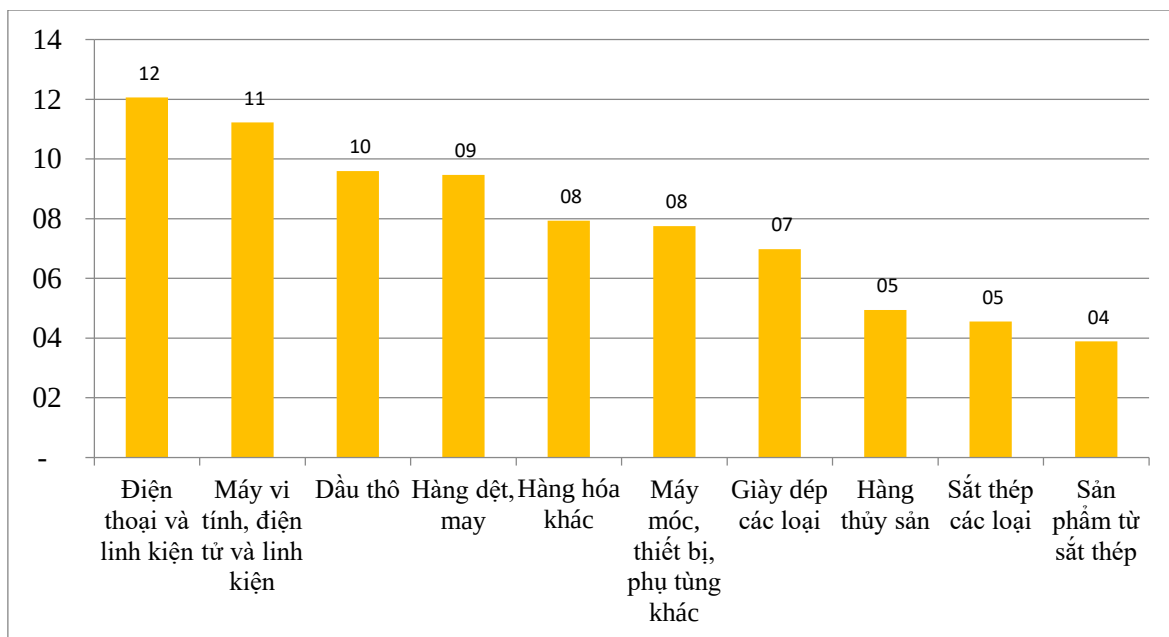
- Nhóm (Điện thoại các loại và linh kiện...) đạt 440,7 triệu USD giảm 4,6% so với cùng kỳ năm 2024;

- Nhóm (Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện...) đạt 410,1 triệu USD tăng 19,0% so cùng kỳ năm 2024;

- Nhóm (Dầu thô...) đạt 350,5 triệu USD, giảm 6,2% so cùng kỳ năm 2024

Biểu đồ 7: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang Úc có tỷ trọng cao trong 7 tháng đầu năm 2025

(Tính theo tỷ trọng %)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Nhìn chung, trong 7 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Úc giảm 2,9%, trong đó có một số nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao như:

- Nhóm (Điện thoại các loại và linh kiện...) giảm 4,6%; và nhóm (Dầu thô...) giảm 6,2%; Nhóm (Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác...) giảm tới 59,3% so với cùng kỳ năm 2024.

Ở chiều ngược lại nhóm có kim ngạch cao và cùng là nhóm tăng như;

- Nhóm (Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện...) tăng 19%; nhóm (Sắt thép các loại...) tăng 40,0% và nhóm (Giày dép các loại...) tăng 18,2%.

Bảng 2: Xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Úc trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025

(Đơn vị tính: USD)

Nhóm mặt hàng	Tháng 7/2025 (USD)	So với tháng 6/2025 (%)	So với tháng 7/2024 (%)	7 tháng đầu năm 2025	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng 7 tháng đầu năm 2025 (%)
Tổng giá trị:	584.114.750	12,2	-4,9	3.653.043.357	-2,9	100,0
Điện thoại các loại và linh kiện	55.320.817	25,1	-15,9	440.738.735	-4,6	12,1
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	88.851.003	81,1	34,7	410.114.847	19,0	11,2
Dầu thô	50.882.450	40,3	72,7	350.541.740	-6,2	9,6
Hàng dệt, may	50.306.625	4,1	-8,2	345.972.542	10,5	9,5
Hàng hóa khác	47.767.437	50,2	67,3	289.844.722	30,3	7,9
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	49.503.178	19,9	-64,8	283.052.895	-59,3	7,7
Giày dép các loại	43.584.949	4,6	21,7	255.137.824	18,2	7,0
Hàng thủy sản	27.857.385	-2,2	-11,6	180.674.611	-2,3	4,9
Sắt thép các loại	9.290.338	-82,0	-66,4	166.346.826	40,0	4,6
Sản phẩm từ sắt thép	18.153.063	-20,6	9,4	142.194.293	42,7	3,9
Gỗ và sản phẩm gỗ	15.971.876	25,4	14,3	85.524.203	-1,0	2,3
Hàng rau quả	13.249.346	-2,7	41,0	76.495.880	32,0	2,1
Phương tiện vận tải và phụ tùng	11.014.242	-21,7	20,9	70.913.355	-14,0	1,9
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	18.191.996	145,9	136,4	58.715.505	30,1	1,6
Sản phẩm từ chất dẻo	8.632.486	10,8	-5,5	55.142.314	-2,1	1,5
Hạt điều	9.662.675	-8,3	1,8	51.836.646	-5,1	1,4
Cà phê	10.329.594	73,3	418,1	50.682.391	54,7	1,4
Giấy và các sản phẩm từ giấy	6.835.279	-0,1	3,3	44.020.413	-11,7	1,2

Nhóm mặt hàng	Tháng 7/2025 (USD)	So với tháng 6/2025 (%)	So với tháng 7/2024 (%)	7 tháng đầu năm 2025	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng 7 tháng đầu năm 2025 (%)
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	7.947.325	-9,6	31,8	42.548.116	25,5	1,2
Kim loại thường khác và sản phẩm	5.178.010	22,6	7,8	37.811.106	20,8	1,0
Dây điện và dây cáp điện	3.815.643	-29,6	-23,9	31.831.484	27,1	0,9
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	4.731.216	4,2	-3,6	27.549.072	23,4	0,8
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	5.037.823	41,3	-8,2	22.376.438	10,5	0,6
Sản phẩm hóa chất	3.079.673	2,1	-10,8	21.823.283	0,7	0,6
Gạo	2.859.894	5,7	-16,7	17.315.957	4,0	0,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

2. Về nhập khẩu

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Úc năm 2024 đạt 7,6 tỷ USD giảm 11,0% so với năm 2023.

Trong tháng 7/2025, Việt Nam nhập từ thị trường Úc đạt 566,8 triệu USD, giảm 3,0% so với tháng 6/2025 và giảm 28,5% so với tháng 7/2024. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Úc đạt 4,2 tỷ USD, giảm 6,1% so cùng kỳ năm 2024. Trong đó nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu cao như;

- Nhóm; (Than các loại...) đạt 1,7 tỷ USD tăng 13,0% so cùng kỳ năm 2024.

- Nhóm (Quặng và khoáng sản khác...) đạt 721,4 triệu USD tăng 14,8 % so cùng kỳ năm 2024.

Tiếp đến là nhóm (Hàng hóa khác...) đạt 361,3 triệu USD tăng 22,8% so cùng kỳ năm 2024.

Ở chiều ngược lại nhóm hàng hoá có kim ngạch nhập khẩu giảm như;

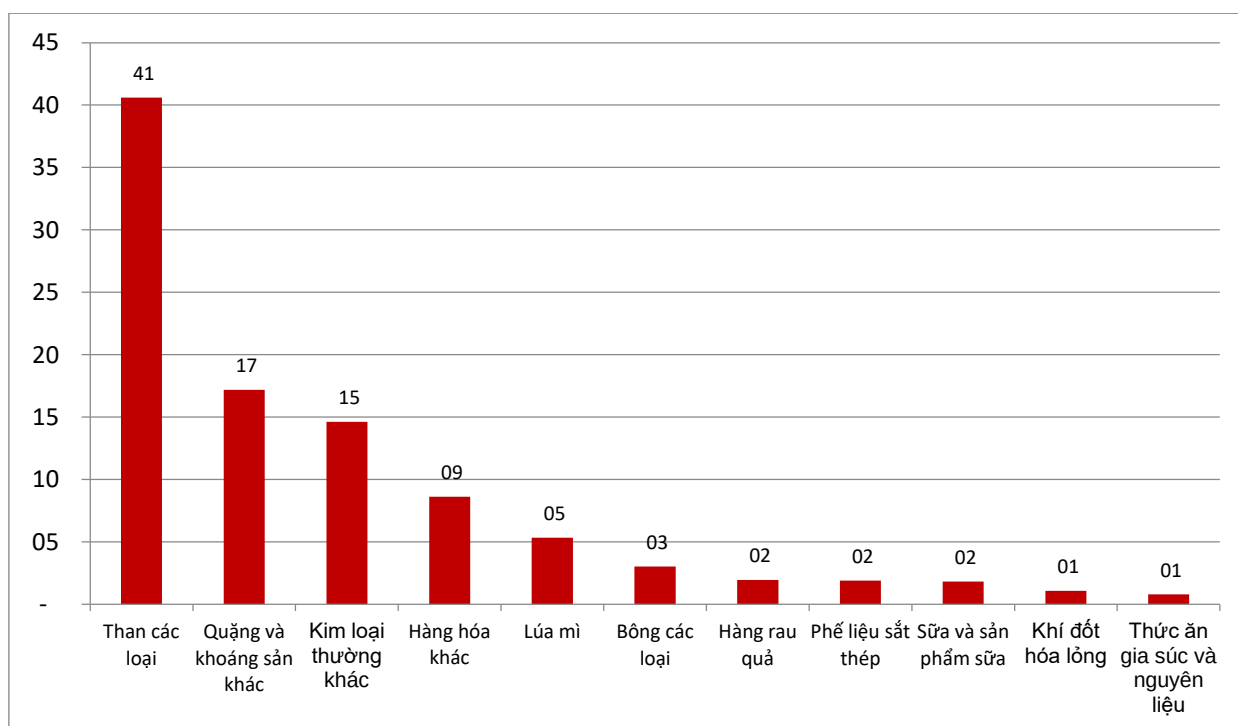
- Nhóm (Bông các loại...) đạt 127,0 triệu USD giảm 30,5 % so cùng kỳ năm 2024.

- Nhóm (Khí đốt hóa lỏng...) đạt 45,0 triệu USD giảm 24,6 % so cùng kỳ năm 2024.

- Nhóm (Thức ăn gia súc và nguyên liệu...) đạt 33,8 triệu USD giảm tới 40,4 % so cùng kỳ năm 2024.

Biểu đồ 8: Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ Úc có tỷ trọng cao trong 7 tháng đầu năm 2025

(Tính theo tỷ trọng %)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Tỷ trọng hàng hoá nhập khẩu trong cơ cấu các mặt hàng nhập khẩu 7 tháng đầu năm 2025 cao nhất là;

Nhóm(Than các loại ...) chiếm 46,0% trong cơ cấu hàng hoá nhập khẩu

Nhóm (Quặng và khoáng sản khác...) chiếm 17,2%

Tiếp đến là nhóm (Kim loại thường khác...) chiếm 14,6% trong cơ cấu nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ Úc trong 7 tháng đầu năm 2025.

Như vậy so với cùng kỳ năm 2024 có nhóm hàng; (Than các loại ...) là có tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu hàng hoá nhập khẩu của Việt Nam từ Úc là 46,0% và nhóm (Quặng và khoáng sản khác...) chiếm 17,2% trong 7 tháng đầu năm 2025.

Bảng 3: Nhập khẩu hàng hóa từ Úc trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025

(ĐVT: USD)

Nhóm mặt hàng	Tháng 7/2025	So với tháng 6/2025 (%)	So với tháng 7/2024 (%)	7 tháng đầu năm 2025	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng 7 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị:	566.510.717	-3,0	-28,5	4.199.085.893	-6,1	100,0
Than các loại	210.205.955	-22,2	-39,2	1.704.611.708	13,0	40,6
Quặng và khoáng sản khác	79.004.891	-6,4	-37,4	721.443.004	14,8	17,2
Kim loại thường khác	90.910.177	-1,0	-30,6	614.162.774	-1,6	14,6
Hàng hóa khác	64.325.489	20,4	5,0	361.367.050	22,8	8,6
Lúa mì	21.099.453	-18,6	-20,3	223.812.045	2,6	5,3
Bông các loại	34.329.645	186,0	-27,6	127.026.707	- 30,5	3,0
Hàng rau quả	15.951.550	41,5	13,2	82.002.253	-7,8	2,0
Phế liệu sắt thép	13.552.389	1.069,0	18.542,0	79.848.552	-1,3	1,9
Sữa và sản phẩm sữa	9.714.267	16,4	-23,3	76.085.711	14,8	1,8
Khí đốt hóa lỏng	5.447.821	489,6		45.067.600	- 24,6	1,1
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	4.277.229	-28,7	9,6	33.843.127	- 40,4	0,8

Nhóm mặt hàng	Tháng 7/2025	So với tháng 6/2025 (%)	So với tháng 7/2024 (%)	7 tháng đầu năm 2025	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng 7 tháng đầu năm 2025
Dược phẩm	5.504.953	3,6	-15,4	33.744.835	- 10,2	0,8
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	2.242.232	-19,6	38,0	17.747.194	1,6	0,4
Sản phẩm hóa chất	1.803.712	-8,2	-55,3	15.892.906	- 22,2	0,4
Sắt thép các loại	1.057.849	0,8	10,1	13.851.347	75,9	0,3
Dầu mỡ động, thực vật	1.173.939	-28,9	-13,1	9.845.723	- 53,2	0,2
Chế phẩm thực phẩm khác	1.507.232	51,9	-24,7	9.197.603	- 28,8	0,2
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	742.810	-60,1	-61,1	7.448.869	7,4	0,2
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	751.452	-23,3	-49,1	7.195.781	23,4	0,2
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	1.556.438	82,4	-18,8	5.760.829	40,0	0,1
Gỗ và sản phẩm gỗ	753.895	17,4	47,0	4.918.796	- 34,7	0,1
Chất dẻo nguyên liệu	290.541	7,3	13,5	1.993.411	3,9	0,0
Sản phẩm từ sắt thép	306.798	63,1	-50,3	1.891.056	13,7	0,0
Hóa chất			-100,0	327.011	- 20,3	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

2. Về cán cân thương mại

Trong tháng 7/2025, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Úc đạt 1,1 tỷ USD giảm 18,2% so với tháng 7/2024. Trong đó, Việt Nam xuất siêu sang Úc 17,6 nghìn USD giảm 109,9% so với tháng 7 năm 2024.

Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2025, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Úc đạt 7,8 tỷ USD, giảm 4,6% so với cùng kỳ năm 2024. Cũng trong 7 tháng đầu năm 2025 Việt Nam nhập siêu từ Úc 546,0 triệu USD, giảm 23,1% so với cùng kỳ năm 2024.

Bảng 4: Cán cân thương mại giữa Việt Nam và Úc tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025

(Đơn vị tính: TriệuUSD)

Hoạt động thương mại	Tháng 7/2025	So tháng 7/2024 (%)	7 tháng 2025	So 7 tháng 2024 (%)
Việt Nam xuất khẩu sang Úc	584,114	-4,9	3.653,043	-2,9
Việt Nam nhập khẩu từ Úc	566,510	-28,4	4.199,085	-6,1
Thương mại hai chiều	1.150,624	-18,2	7.852,128	-4,6
Cán cân thương mại	17,604	-109,9	-546,042	-23,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Như vậy thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Úc trong 7 tháng đầu năm 2025 Việt Nam nhập siêu từ Úc là 546,0 triệu USD.

III. CẬP NHẬT THÔNG TIN CHÍNH SÁCH VÀ CÁC RÀO CẢN THUẾ QUAN LIÊN QUAN ĐẾN THỊ TRƯỜNG

Rào cản thuế quan chính đối với thị trường Úc là từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) như CPTPP và ASTP, giúp miễn thuế hoàn toàn hoặc cắt giảm thuế cho nhiều quốc gia. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại các rào cản như Quy tắc xuất xứ (Rules of Origin) được đánh giá là quá chặt chẽ, các vấn đề về chất lượng hàng hóa, tiêu chuẩn kỹ thuật, và chính sách phi thuế quan khác.

Thị trường Úc được đánh giá là thị trường mang lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nước ngoài nói chung và doanh nghiệp Việt Nam nói riêng do phụ thuộc rất nhiều vào hàng hóa nhập khẩu phục vụ sản xuất và tiêu dùng trong

nước. Úc không áp đặt hạn ngạch nhập khẩu. Đặc biệt, theo Hiệp định Thương mại tự do giữa ASEAN và Úc – New Zealand (AANZFTA), khoảng 96% thuế quan của Úc đã được loại bỏ vào năm 2010, phần còn lại sẽ được thực hiện vào năm 2020. Thị trường này cũng có nhu cầu nhập khẩu lớn các mặt hàng sử dụng nhiều lao động, là các mặt hàng có thế mạnh của Việt Nam như may mặc, giày dép, đồ gỗ, thủy sản, hạt điều... Ngoài ra, thu nhập bình quân đầu người của Úc khá cao, dẫn đến sức mua lớn.

Úc lại là một trong những thị trường có các qui định về kiểm dịch và an toàn sản phẩm ngặt nghèo nhất trên thế giới. Các doanh nghiệp Việt Nam gặp không ít khó khăn, thách thức do thiếu thông tin về thị trường như các quy định về nhập khẩu, kiểm dịch, an toàn thực phẩm, an toàn sản phẩm, dán nhãn hàng hoá...

Hàng hóa nhập khẩu vào Úc phải tuân thủ các quy định về khai báo, kiểm dịch, và thuế. Cụ thể, hàng hóa phải được khai báo cho Lực lượng Biên giới Úc (ABF), đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn, và tuân thủ quy định về nhãn mác. Ngoài ra, hàng hóa nhập khẩu phải nộp các loại thuế như Thuế nhập khẩu (dựa trên biểu thuế) và Thuế hàng hóa và dịch vụ (GST)

Các quy định chung như;

- Khai báo hải quan:

Tất cả hàng hóa nhập khẩu phải được khai báo cho Lực lượng Biên giới Úc (ABF)

Tuân thủ quy định pháp lý và tiêu chuẩn chất lượng: Hàng hóa cần đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn nghiêm ngặt của Úc, bao gồm việc công bố đầy đủ thông tin về thành phần, xuất xứ, hạn sử dụng và hướng dẫn sử dụng nếu có.

- Giấy phép nhập khẩu:

Hầu hết các mặt hàng không cần giấy phép, nhưng một số mặt hàng nhất định sẽ yêu cầu xin giấy phép nhập khẩu

- Quy định về thuế

Thuế nhập khẩu:

Phí này dựa trên phân loại thuế của hàng hóa, được quy định trong Luật Thuế Hải quan.

- Thuế hàng hóa và dịch vụ (GST):

Áp dụng với mức phổ biến là 10% tổng giá trị hàng hóa (bao gồm giá trị hải quan, thuế nhập khẩu, phí vận chuyển và bảo hiểm).

Quy định đặc thù

Bao bì: Bao bì làm từ thực vật phải được chế biến, không được làm từ vật liệu thô như rơm.

Kiểm dịch: Đối với các sản phẩm nông sản, container vận chuyển bằng đường biển phải được kiểm tra để đảm bảo không có côn trùng xâm nhập.

Hàng hóa đông lạnh: Nếu hàng hóa được vận chuyển dưới dạng đông lạnh, cần có giấy cam kết đảm bảo nhiệt độ bảo quản không đổi ở dưới (-18°C)

IV. TRIỂN VỌNG VÀ DỰ BÁO

+ Triển vọng;

Việt Nam và Úc hiện là thành viên chung của ít nhất 3 Hiệp định thương mại tự do (FTA). Nếu Hiệp định CPTPP và AANZFTA giúp giảm thuế quan, thì Hiệp định RCEP giúp doanh nghiệp tận dụng được các yêu cầu về quy tắc xuất xứ. Điều này giúp tăng trưởng xuất khẩu giữa Việt Nam và Úc luôn ở mức cao.

Hiện Việt Nam và Úc hiện là thành viên chung của ít nhất 3 Hiệp định thương mại tự do (FTA), bao gồm Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) và Hiệp định Thương mại tự do ASEAN Úc - New Zealand (AANZFTA).

Hiệp định CPTPP và AANZFTA giúp giảm thuế quan, thì Hiệp định RCEP giúp doanh nghiệp tận dụng được các yêu cầu về quy tắc xuất xứ. Điều này giúp tăng trưởng xuất khẩu giữa Việt Nam và Úc luôn ở mức cao.

Úc là thị trường xuất khẩu tiềm năng đối với nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như máy móc/thiết bị điện, giày dép, quần áo và các mặt hàng nông-lâm-thủy sản... Nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam (quần áo, sắt thép, đồ gỗ nội thất...) mới chỉ chiếm thị phần nhỏ trong tổng nhập khẩu của Úc, tuy nhiên xuất khẩu các mặt hàng này của Việt Nam sang Úc đều có xu hướng tăng đáng kể trong những năm gần đây, điều này cho thấy dư địa và tiềm năng để xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Úc vẫn còn rất lớn.

Trong thời gian tới, xuất khẩu của Việt Nam sang Úc được dự báo tiếp tục tăng trưởng nhờ các yếu tố thuận lợi như:

Dưới những tác động của nền kinh tế thế giới Úc cũng bị ảnh hưởng theo xu hướng chung của thế giới, dẫn tới thu nhập của hầu hết người tiêu dùng bị sụt giảm. Vì vậy, nhu cầu của họ đối với các sản phẩm có giá cả phải chăng hơn từ các nước đang phát triển như Việt Nam gia tăng, đặc biệt là các hàng hóa thiết yếu như thực phẩm, quần áo... Trong khi đó, Việt Nam lại có thế mạnh sản xuất các sản phẩm này với giá cả thường thấp hơn các nước phát triển, đồng thời có lợi thế về ưu đãi thuế quan từ 03 FTA chung với Úc.

Cộng đồng người Việt tại Úc ngày càng phát triển với số lượng người Việt Nam học tập và làm việc tại quốc gia này ngày càng gia tăng trong những năm gần đây. Cộng đồng người gốc Á có cùng xu hướng tiêu dùng các sản phẩm tương tự người Việt cũng phát triển mạnh ở Úc. Do vậy, nhu cầu tiêu thụ, sử dụng các sản phẩm Việt Nam tại Úc cũng tăng lên tương ứng.

Người tiêu dùng Úc cũng cởi mở hơn với việc sử dụng các sản phẩm nhập khẩu (trong đó có sản phẩm của Việt Nam) miễn là các sản phẩm nhập khẩu đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và có giá cả cạnh tranh.

Chất lượng của các sản phẩm Việt đang ngày càng được nâng cao và dần chinh phục được nhiều thị trường khó tính. Nhiều doanh nghiệp lớn của Việt Nam đã đầu tư bài bản và dài hạn cho sản xuất và xuất khẩu hàng hóa tiêu chuẩn cao sang các nước phát triển – những thị trường có yêu cầu khắt khe về chất lượng và mẫu mã sản phẩm. Ngoài ra, Việt Nam cũng đang chú trọng thu hút đầu tư công nghệ cao vào các ngành nhiều tiềm năng nhưng công nghệ còn lạc hậu như rau củ quả, thủy hải sản... để nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu.

+ Dự báo

Bất chấp sự bất ổn do chính sách thuế quan năm 2025 cho thấy, niềm tin của doanh nghiệp Úc đã tăng nhẹ kể từ khi Mỹ công bố mức thuế mới vào tháng 4 vừa qua. Một tín hiệu tích cực hơn là lượng hàng container xuất khẩu hàng năm của New South Wales, Victoria và Queensland đã tăng 6,5% tính đến tháng 7/2025.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp có thể được hưởng lợi từ việc hình thành các chuỗi cung ứng mới, trong đó bao gồm việc tăng cường nhập khẩu để bù đắp hàng hoá thiếu hụt từ thương mại với Mỹ.

Bên cạnh các mặt hàng tiềm năng của Việt Nam và Úc có thể được thúc đẩy song phương trong tương lai gần, sự tăng cường hợp tác còn mang lại cơ hội khai phá những hàng hóa nguyên liệu “rất mới” là thế mạnh của Úc.

Về triển vọng Úc là quốc gia giàu có về tài nguyên kim loại, nằm trong top 3 trữ lượng khoáng sản quan trọng có nhu cầu cao trên toàn cầu, nổi bật nhất là kẽm, lithium, niken, coban, đồng... Trong khi đó, các kim loại này đóng vai trò rất quan trọng trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, hướng tới xây dựng kịch bản “Net-zero”. Đây cũng chính là mục tiêu trung và dài hạn mà Việt Nam đang hướng tới cho đến năm 2050.

Với vai trò là một trong những đối tác thương mại lớn của Việt Nam, những năm gần đây quy mô thương mại song phương Việt Nam-Úc tiếp tục gia tăng mạnh mẽ nhờ khai thác các hiệp định thương mại đa phương.

Hơn nữa, lần đầu tiên Việt Nam và Úc thống nhất và công bố Kế hoạch triển khai Chiến lược tăng cường hợp tác kinh tế (EEES) do Thủ tướng hai nước công bố hồi tháng 11/2021 với các biện pháp cụ thể, có thời hạn rõ ràng đến năm 2025. Đây được coi như những sáng kiến then chốt, vừa có cơ sở thực tiễn, vừa có nguồn lực thực hiện và sẽ rà soát thường xuyên. Ngoài ra, có thể khẳng định các cơ quan đại diện Việt Nam tại Úc đóng vai trò hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động giao lưu kinh tế - thương mại hai nước.

Cán bộ theo dõi

Người thực hiện

Đặng Thùy Dương

Vũ Quang Chiến